

PHỤ LỤC VI: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG THÀNH PHỐ NĂM 2026 GIỮA CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
	46	88	TỔNG SỐ		11.079.993,899	9.624.025,206	6.533.800,290	5.257.121,909	1.337.695,020	1.337.695,021	434.554,704	-434.554,704
I	46	57	Dự án thành phố quản lý (không bao gồm Chương trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2026-2030)		9.566.605,024	8.110.636,331	5.257.009,509	3.980.331,128	1.176.556,629	1.217.890,064	434.554,704	-393.221,270
1	0	1	Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đoạn qua địa bàn phường Nam Đồ Sơn	3366/QĐ-UBND, 19/8/2025	72.557,172	72.557,172	13,340	13,340	45.713,000	0,000	0,000	-45.713,000
2	0	1	Xây dựng nhà lớp học, chức năng Trường Tiểu học An Đồng (điểm Vĩnh Khê)	2044/QĐ-UBND ngày 30/5/2021	14.467,408	14.467,408	14.347,150	14.347,150	120,000	40,398	0,000	-79,602
3	0	1	Xây dựng nhà lớp học trường mầm non An Hòa	1702/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	14.538,185	14.538,185	14.253,173	14.253,173	285,000	222,465	0,000	-62,535
4	0	1	Xây dựng nhà hiệu bộ, cầu nối 3 tầng trường Trung học cơ sở An Dương	835/QĐ-UBND ngày 13/4/2023	14.968,000	14.968,000	14.219,600	14.219,600	317,000	307,381	0,000	-9,619
5	0	1	Xây dựng vườn hoa cây xanh xã An Hồng, huyện An Dương	3473/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	32.480,000	32.480,000	26.395,356	26.395,356	3.646,644	3.266,424	0,000	-380,220
6	0	1	Xây dựng vườn hoa cây xanh xã Bắc Sơn, huyện An Dương	5237/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	8.883,482	8.883,482	7.990,664	7.990,664	715,909	0,000	0,000	-715,909
7	0	1	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Hải Phòng thuộc địa bàn huyện An Dương	3318/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	21.200,000	21.200,000	8.510,000	8.510,000	12.690,000	9.290,000	0,000	-3.400,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
8	0	1	Xây dựng vườn hoa cây xanh xã Đặng Cương	3348/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	31.845,436	31.845,436	21.000,000	21.000,000	10.745,000	5.409,199	0,000	-5.335,801
9	0	1	Xây dựng vườn hoa cây xanh xã Nam Sơn, huyện An Dương	1437/QĐ-UBND ngày 11/5/2024	59.091,000	59.091,000	45.600,000	45.600,000	13.491,000	7.927,715	0,000	-5.563,286
10	0	1	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào Trường Mầm non Đồng Thái (khu trung tâm)	1936/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	4.329,000	4.329,000	3.561,561	3.561,561	677,000	393,000	0,000	-284,000
11	0	1	Xây dựng, mở rộng trường Tiểu học Tân Tiến giai đoạn I	4783/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	40.726,567	40.726,567	22.030,005	22.030,005	18.696,562	16.574,562	0,000	-2.122,000
12	0	1	Xây dựng nhà đa năng, nhà vệ sinh trường Trung học cơ sở An Dương	215/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	10.401,000	10.401,000	8.909,034	8.909,034	1.491,966	987,966	0,000	-504,000
13	0	1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Bắc Sơn, đoạn từ nhà văn hóa xã đến đường 351 (Hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước đoạn từ cọc D0 đến cọc 28)	138/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	14.198,798	14.198,798	13.078,000	13.078,000	1.120,798	690,837	0,000	-429,961
14	0	1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Bắc Sơn, đoạn từ nhà văn hóa xã đến đường 351 (Hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước đoạn từ cọc 28 đến đường 351)	112/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	14.887,462	14.887,462	13.635,000	13.635,000	1.252,000	845,378	0,000	-406,622
15	0	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc Lộ 10 đến khu dân cư Tiên Phong xã Bắc Sơn, huyện An Dương	3265/QĐ-UBND	11.038,000	11.038,000	9.565,716	9.565,716	1.472,000	794,529	0,000	-677,471
16	0	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu dân cư Tiên Phong đến đường trục xã Bắc Sơn, huyện An Dương	3264/QĐ-UBND	11.022,000	11.022,000	9.573,394	9.573,394	1.448,606	951,586	0,000	-497,020
17	0	1	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Vĩnh Khê xã An Đồng (Đoạn từ cổng làng thôn Vĩnh Khê đến đình Vĩnh Khê)	1101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	8.225,000	8.225,000	6.600,001	6.600,001	1.213,731	346,529	0,000	-867,202

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
18	0	1	Xây dựng nhà lớp học và phòng chức năng 3 tầng Trường Mầm non An Dương	180/QĐ-UBND ngày 14/2/2023	14.980,000	14.980,000	12.216,082	12.216,082	2.763,918	2.199,918	0,000	-564,000
19	0	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và khu tái định cư xã Minh Hòa phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (Thành phố Hải Phòng) đoạn từ quốc lộ 17B đến sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn.	992/QĐ-UBND 06/6/2025	39.616,666	39.616,666	15.000,000	15.000,000	21.616,000	16.978,335	0,000	-4.637,665
20	0	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp, cải tạo kèng KT 12 (đoạn từ ngã tư Tây Sơn đến cầu An Lưu 2 và đoạn từ cầu An Lưu 3 đến cống An Trung)	988/QĐ-UBND 31/07/2024	134.640,839	134.640,839	53.693,100	53.693,100	67.656,510	55.836,745	0,000	-11.819,765
21	0	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Đường Vũ, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn	817/QĐ-UBND 19/5/2025	61.291,000	61.291,000	451,757	451,757	49.839,219	33.505,544	0,000	-16.333,675

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
22	0	1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và khu tái định cư phường Long Xuyên phục vụ GPMB thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với Đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ Quốc lộ 17B đến sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn	745/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	49.907,697	49.907,697	1.260,716	1.260,716	48.647,200	36.394,802	0,000	-12.252,398
23	0	1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và khu tái định cư xã Hiệp Hòa phục vụ GPMB điều chỉnh diện tích đất thuê cho Công ty cổ phần cá giống Kinh Môn tại xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn và GPMB thực hiện dự án xây dựng sân golf thị xã Kinh Môn	746/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	68.816,370	68.816,370	1.458,511	1.458,511	67.357,489	32.058,052	0,000	-35.299,437
24	0	1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và khu tái định cư phường An Lư phục vụ GPMB thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 17B với cầu Đình, thị xã Kinh Môn	1827/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	10.355,155	10.355,155	5.500,000	5.500,000	4.855,000	4.302,279	0,000	-552,721

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
25	0	1	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và khu tái định cư Cửa Làng, phường Hiến Thành, giai đoạn 3 (phục vụ GPMB thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với Đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ Quốc lộ 17B đến sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn)	767/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	25.021,480	25.021,480	10.350,000	10.350,000	14.671,000	11.051,857	0,000	-3.619,143
26	0	1	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường (tuyến 4 (từ D17 - D10), tuyến 7 (từ D10 - D9) và tuyến 5) và GPMB sạch khu đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Kim Lôi, xã Bạch Đằng tỷ lệ 1/500	1607/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	28.692,911	28.692,911	120,259	120,259	28.572,650	26.957,395	0,000	-1.615,255
27	1	0	Xây dựng trụ sở công an phường Hiến Thành	QĐ quyết toán số 2480/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	8.288,329	8.288,329	8.299,314	8.299,314	0,000	32,378	32,378	0,000
28	1	0	Xây dựng trụ sở công an phường Phạm Thái	Quyết định quyết toán Số 2826/QĐ-UBND ngày 22/7/2026	8.058,880	8.058,880	8.023,167	8.023,167	0,000	35,712	35,712	0,000
29	1	0	Xây dựng trụ sở công an phường Long Xuyên	Quyết định quyết toán Số 1964/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	8.135,201	8.135,201	7.987,771	7.987,771	0,000	127,429	127,429	0,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
30	1	0	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng các trường mầm non An Lưu, Minh Hoà, An Phú, Phú Thứ	Quyết định quyết toán Số 818/QĐ-STC ngày 26/12/2025	17.142,943	17.142,943	17.006,000	17.006,000	0,000	160,612	160,612	0,000
31	1	0	Sửa chữa, tu bổ đê hữu Kinh Thầy, đoạn từ K35+700-K36 +100 và xây dựng cống Bà Tạo tại K35+779 đê Hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn (Đê cấp IV)	QĐ Phê duyệt DA 728/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	8.000,000	368,999	7.631,001		0,000	94,525	94,525	0,000
32	1	0	Xây dựng mới cống thay thế cống Phạm Xá tại K17+736 đê tả sông Kinh Môn (Đê cấp IV)	QĐ Phê duyệt dự án 729/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	5.584,143	81,431	5.502,712		0,000	54,436	54,436	0,000
33	1	0	Xây dựng mới cống thay thế cống Duyên Linh cũ tại K22+366 đê tả Kinh Thầy	QĐ phê duyệt dự án 799/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	8.000,000	877,188	7.122,812		0,000	467,691	467,691	0,000
34	1	0	Xây dựng kè bảo vệ đê đoạn tương ứng K32+850-K33+100 đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn (Đê cấp IV)	QĐ phê duyệt dự án 800/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	6.676,523	158,567	6.517,956		0,000	66,118	66,118	0,000
35	1	0	Khu dân cư mới Trung Hoà, xã Thăng Long	Quyết định quyết toán số 3412/QĐ-UBND ngày 25/8/2026	37.368,851	37.368,851	37.624,852	37.624,852	0,000	52,799	52,799	0,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
36	1	0	Xây dựng đường nối cầu vượt sông Kinh Môn với đường tỉnh 389B	QĐ phê duyệt dự án 1379/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	229.068,099	229.068,099	133.456,361	133.456,361	0,000	373,499	373,499	0,000
37	1	0	Xây dựng trụ sở công an phường Tân Dân	Quyết định quyết toán số 3411/QĐ-UBND ngày 25/8/2026	7.697,562	7.697,562	7.679,898	7.679,898	0,000	71,821	71,821	0,000
38	0	1	Đầu tư mở rộng đường dẫn đầu cầu Hàn, đoạn từ đầu cầu Hàn (phía huyện Nam Sách) đến nút giao ĐT.390 và xây dựng tuyến mới nối nút giao ĐT.390 đến QL18 (phân kỳ đầu tư 1/2 quy mô đường theo quy hoạch được duyệt tuyến mới nối nút giao ĐT.390D đến cầu Tân An)	2693/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	468.000,000	468.000,000	306.021,610	306.021,610	27.000,000	24.000,000	0,000	-3.000,000
39	0	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hồng Phúc - Tân Phong (cầu Đông - đường tỉnh 396C)	QĐ 3462/QĐ-UBND ngày 27/8/2026	57.556,155	57.556,155	56.783,019	56.783,019	12.278,310	765,135	0,000	-11.513,175
40	0	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ khu tượng đài Bác Hồ xã Hiệp Lực qua khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Hồng Dụ đến đường tỉnh 396	QĐ 2760/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; QĐ điều chỉnh số 727/QĐ-UBND ngày 05/02/2025	56.396,556	56.396,556	56.691,330	56.691,330	13.667,911	554,220410		-13.113,690590
41	0	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Rặc, xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang.	QĐ 1369/QĐ-UBND; 09/5/2024; QĐ 2863/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	21.548,298	21.548,298	18.165,062	18.165,062	5.032,752	3.385,431873		-1.647,320127
42	0	1	Dự án Xây dựng nhà lớp học 3 tầng và mở rộng khuôn viên trường mầm non Hoa Sứ, thành phố Hải Dương	3572 (24/6/2025)	10.879,000	10.879,000	4.041,000	4.041,000	6.838,000	6.320,000	0,000	-518,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
43	0	1	Xây dựng nhà lớp học, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nhị Châu, thành phố Hải Dương	1198/QĐ-UBND (15/4/2024)	26.696,000	26.696,000	11.063,000	11.063,000	15.403,000	15.003,000	0,000	-400,000
44	0	1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương	3975/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	31.932,000	31.932,000	8.252,630	8.252,630	23.679,000	19.843,000	0,000	-3.836,000
45	0	1	Cải tạo, mở rộng đường xã An Thượng nối đường tỉnh 390 (Km12+160) với thị trấn Nam Sách	4006/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	6.560,000	6.560,000	2.564,000	2.564,000	3.906,000	2.256,000	0,000	-1.650,000
46	0	1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Suối, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương; Hạng mục chính: Tiền tế- Trung từ- Hậu Cung- 02 Giải vũ, Nhà bia, Am hoá số, nhà bao che công trình	1881/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	35.000,000	35.000,000	14.015,000	14.015,000	14.015,000	10.515,000	0,000	-3.500,000
47	0	1	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị khu Vũ Thượng, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương	1259/QĐ-UBND ngày 14/03/2025	28.266,000	28.266,000	12.387,000	12.387,000	15.879,000	12.179,000	0,000	-3.700,000
48	0	1	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Liên Hồng, thành phố Hải Dương	1026/QĐ-UBND 12/3/2025	39.744,000	39.744,000	9.297,574	9.297,574	30.076,000	27.576,000	0,000	-2.500,000
49	0	1	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng, 16 phòng học trường THCS Tân Bình	1956/QĐ-UBND 17/4/2025	21.960,000	21.960,000	6.400,000	6.400,000	15.560,000	13.560,000	0,000	-2.000,000
50	0	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	6162/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	89.625,000	89.625,000	75.276,769	75.276,769	6.000,000	3.000,000	0,000	-3.000,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
51	0	1	Đầu tư xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trãi và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực I (Diamond Land).	2290/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	643.235,000	643.235,000	16.784,892	16.784,892	30.118,656	21.118,656	0,000	-9.000,000
52	0	1	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội bộ và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 2	5186/ QĐ-UBND ngày 31/12/2024; 4093/ QĐ-UBND ngày 30/11/2023	70.720,000	70.720,000	0,000	0,000	17.000,000	14.000,000	0,000	-3.000,000
53	0	1	Đầu tư Xây dựng đường Tân Dân đoạn từ đường sắt đến đường phố Văn, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương	3834/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	49.997,000	49.997,000	41.998,012	41.998,012	4.000,000	2.013,000	0,000	-1.987,000
54	0	1	Cải tạo, nâng cấp CSHT vùng SX lúa hữu cơ, kết hợp với khai thác rươi cây tự nhiên tại các xã An Thanh và Quang Trung. HM: Công Đa Vang, đường giao thông và các cống trong kênh TNĐ	Số 396/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	32.887,245	32.887,245	24.500,000	24.500,000	6.700,000	3.397,000	0,000	-3.303,000
55	0	1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyễn Giáp	Số 1311/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	118.000,000	118.000,000	29.881,166	29.881,166	88.000,000	45.834,000	0,000	-42.166,000
56	0	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường huyện 212 vào cụm công nghiệp xã Quang Phục	Số 2520/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	105.000,000	105.000,000	78.711,281	78.711,281	9.500,000	6.075,214	0,000	-3.424,786
57	0	1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục thôn Lương Cầu, xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	7070/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	9.326,161	9.326,161	8.000,000	8.000,000	1.326,161	1.216,161	0,000	-110,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
58	0	1	Xây dựng tầng 2 (gồm 5 phòng học) và công trình phụ trợ trường Tiểu học và THCS Quang Hưng (khu B), xã Quang Hưng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	7078/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	6.743,109	6.743,109	4.900,000	4.900,000	1.843,109	1.700,109	0,000	-143,000
59	0	1	Mở rộng khuôn viên, san lấp mặt bằng và xây dựng công trình phụ trợ trường Tiểu học Quang Trung, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3750/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	4.763,889	4.763,889	3.630,982	3.630,982	1.132,907	192,907	0,000	-940,000
60	0	1	Mở rộng khuôn viên, san lấp mặt bằng và xây dựng công trình phụ trợ trường Trung học cơ sở Thái Sơn, xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	6628/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	4.588,245	4.588,245	3.590,698	3.590,698	788,245	232,245	0,000	-556,000
61	0	1	Đầu tư xây dựng Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	1736/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	121.041,867	121.041,867	102.868,000	102.868,000	14.373,867	7.873,867	0,000	-6.500,000
62	0	1	Sửa chữa tuyến đường qua gầm cầu Trạm Bạc, xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	1857/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	8.516,712	8.516,712	6.000,000	6.000,000	2.516,712	1.589,712	0,000	-927,000
63	0	1	Xây mới dãy nhà 3 tầng hướng Đông Bắc, hệ thống PCCC trường THCS Lương Khánh Thiện, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3295/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	14.998,000	14.998,000	12.500,000	12.500,000	2.498,000	2.318,000	0,000	-180,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
64	0	1	Xây dựng mới dãy nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, hệ thống PCCC trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3470/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	17.956,000	17.956,000	12.570,000	12.570,000	5.386,000	5.170,000	0,000	-216,000
65	0	1	Đầu tư xây dựng cầu Vàng 1 qua sông Đa Độ, huyện An Lão	2573/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	145.827,212	148.703,000	32.935,671	32.935,671	112.891,541	87.891,541	0,000	-25.000,000
66	0	1	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã từ cầu Xiphong thị trấn Trường Sơn đi thôn Áng Sơn, xã Thái Sơn, Huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3311/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	16.701,000	16.701,000	11.000,000	11.000,000	5.701,000	4.384,000	0,000	-1.317,000
67	0	1	Xây dựng mới nhà ăn, bếp, hệ thống PCCC trường Tiểu học Nguyễn Đức Tín, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3309/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	7.329,000	7.329,000	6.130,000	6.130,000	1.199,000	868,009	0,000	-330,991
68	0	1	Dự án quản lý theo chế độ Mật do Bộ Chỉ huy quân sự thành phố làm chủ đầu tư						180.000,000	90.000,000	0,000	-90.000,000
69	1		Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Đồng Tâm, xã Trần Dương	2676/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 (QT hoàn thành)	1.719	1.718,540	1.365,000	1.365,000		353,495	353,495	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
70	1		Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Hải, xã Tân Liên	QĐ phê duyệt quyết toán số 2547/QĐ-UBND ngày 02/07/2026	5.489,605	5.489,605	4.901,896	4.901,896		587,709	587,709	
71	1		Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 8, xã Tân Hưng	QĐ phê duyệt quyết toán số 2236/QĐ-UBND ngày 15/06/2026	2.160,625	2.160,625	1.831,600	1.831,600		329,025	329,025	
72	1		Chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Vĩnh Bảo và tại xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	QĐ phê duyệt quyết toán số 2830/QĐ-UBND ngày 22/07/2026	5.917,815	5.917,815	5.621,566	5.621,566		296,249	296,249	
73	1		Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Dũng Tiến	QĐ phê duyệt quyết toán số 3040/QĐ-UBND ngày 31/07/2026	7.244,167	7.244,167	6.863,000	6.863,000		381,167	381,167	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
74	1		Xây dựng các hạng mục phụ trợ UBND xã Trần Dương	Quyết định phê duyệt quyết toán số 1368/QĐ-UBND ngày 09/04/2026	1.651,038	1.651,038	1.582,888	1.582,888		68,150	68,150	
75	1		Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Cỏ Đằng, xã Tân Liên	Quyết định phê duyệt quyết toán số 3338/QĐ-UBND ngày 21/08/2026	2.201,991	2.201,991	1.845,689	1.845,689		356,302	356,302	
76	1		Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 5, xã Cổ Am	Quyết định phê duyệt quyết toán số 3344/QĐ-UBND ngày 21/08/2026	7.228,924	7.228,924	6.047,928	6.047,928		1.180,996	1.180,996	
77	1		Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Tân Bảo, xã Cao Minh	Quyết định phê duyệt quyết toán số 3416/QĐ-UBND ngày 25/08/2026	7.507,711	7.507,711	6.086,820	6.086,820		1.420,891	1.420,891	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
78	1		Dự án: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất rươi, cây và nuôi trồng thủy sản tại khu Đầm Tôm và Đầm Cây Chanh xã Đại Đức, huyện Kim Thành	1178/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	25.588,000	25.588,000	14.458,000	14.458,000		178,000	178,000	
79	1		Điểm dân cư số 6 Phú Nội, xã Bình Dân	929/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	6.541,959	6.541,959	4.740,000	4.740,000		1.802,000	1.802,000	
80	1		Xây dựng kè bảo vệ đê đoạn tương ứng k2+975-K3+125 đê tả Lai Vu, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (vốn TW)	2158/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	5.000,000	5.000,000	4.858,000	4.858,000		50,000	50,000	
81	1		Xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5	1200, 23/4/2021	57.500	57.500,000	55.900	55.900		330,800	330,800	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
82	1		Đầu tư xây dựng mới Nhà điều trị bệnh tâm căn và người bệnh cao tuổi, Bệnh viện Tâm thần Hải Dương	2305/QĐ-UBND; 20/6/2026	12.854	12.854,000	12.830	12.830		68,556	68,556	
83	1		Xử lý sự cố đê điều trên địa bàn huyện Nam Sách và huyện Thanh Hà	2847; 05/12/2023	45.000	45.000,000	40.489	40.489		121,200	121,200	
84	1		Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Chu Đậu, huyện Nam Sách	974; 22/4/2024	60.046	60.046,000	50.008	50.008		62,980	62,980	
85	1		Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Ngọc Trì, huyện Nam Sách	973; 22/4/2024	59.555	59.555,000	38.631	38.631		185,029	185,029	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
86	1		Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Vạn Thắng, thành phố Chí Linh	971; 22/4/2024	36.019	36.018,696	22.390	22.390		46,219	46,219	
87	1		Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025	3140; 26/12/2023	167.699	167.698,832	110.161	110.161		188,332	188,332	
88	1		Trường trung học phổ thông Nhị Chiểu, thị xã kinh Môn (địa điểm mới - giai đoạn 2)	3075/QĐ-UBND; 4/8/2026	37.267	37.267,056	37.191	37.191		293,257	293,257	
89	1		Nâng tầng 3, 4 nhà học 2 tầng 6 phòng (móng 4 tầng), xây mới nhà lớp học 4 tầng 8 phòng, lợp mái tôn nhà lớp học bộ môn 4 tầng, phá dỡ nhà lớp học bộ môn cũ 3 tầng trường THPT Kinh Môn	2382/QĐ-UBND; 26/6/2026	12.937	12.937,000	13.233	13.233		75,259	75,259	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
90	1		Nạo vét và gia cố kênh trung thủy nông Sặt - Phủ, huyện Bình Giang	1691; 14/8/2023; 3193; 11/8/2026;	188.020	18.020,000	160.677	160.677		8.000,000	8.000,000	
91	1		Tiểu dự án GPMB công trình Khu dân cư phía Đông đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	445/QĐ-UBND ngày 05/2/2024	38.211	38.211,000	33.161,415	33.161,415		1.445,000	1.445,000	
92	1		Đường giao thông kết nối xã Thanh Quang - An Bình (đoạn từ QL183 cũ thuộc xã Thanh Quang đến cống cụ Dâu, xã An Bình)	2449 (19/6/2025)	14.097,2	14.097,203	14.071,4	14.071,4		3,887	3,887	
93	1		Đường giao thông kết nối xã Nam Chính - An Sơn (đoạn từ thôn Hoàng Xá, xã Nam Chính đến thôn Nhuế Sơn, xã An Sơn)	2273/QĐ-UBND (06/6/2025)	8.695,8	8.695,842	8.695,8	8.695,8		3,476	3,476	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
94	1		Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Điền, huyện Nam Sách (đoạn từ gốc đa thôn Kim Khê đi thôn Đông Nghĩa, xã An Lâm)	2441/QĐ-UBND (17/6/2025)	7.049,0	7.049,007	7.032,0	7.032,0		2,684	2,684	
95	1		Cải tạo, sửa chữa hội trường, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Chính trị huyện Nam Sách	1576/QĐ-UBND (11/4/2025)	1.131,3	1.131,272	1.131,272	1.131,272		3,451	3,451	
96	1		Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh	2978/QĐ-UBND, 29/7/2026	327.340,709	327.340,709			17.550,000	127.550,000	110.000,000	
97	1		Dự án xây dựng, cải tạo sửa chữa và bảo quản hiện vật Bảo tàng tỉnh Hải Dương (nay là Bảo tàng Hải Phòng)	2460/QĐ-UBND, 30/6/2026	50.000,000	50.000,000			0,000	16.000,000	16.000,000	
98	1		Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật các khu đất thuộc Bộ Tư lệnh Hải Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị	4189/QĐ-UBND, 21/10/2025	384.596,329	384.596,329	130.110,646	130.110,646	5.121,256	35.121,256	30.000,000	
99	1		Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, xây mới Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	4886/QĐ-UBND, 02/12/2025	113.252,000	113.252,000	1.083,874	1.083,874	56.000,000	58.000,000	2.000,000	

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
100	1		Dự án đầu tư Xây dựng, nâng cấp, tu bổ đê, kè trên tuyến đê: tả, hữu Thái Bình, hữu Văn Úc, hữu Rạng	3394/QĐ-UBND, 24/8/2026	199.700,000	199.700,000				40.000,000	40.000,000	
101	1	0	Dự án xây dựng cầu lại Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	2272/QĐ-UBND, 13/7/2022 2216/QĐ-UBND, 01/7/2024 3533/QĐ-UBND, 29/8/2025 3088/QĐ-UBND, 05/8/2026	1.334.876,000	1.322.277,000	1.023.523,805	1.023.523,805	0,000	43.978,000	43.978,000	0,000
102	1	0	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.391 đến ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390)	3179/QĐ-UBND, 10/8/2026	1.019.642,000	1.019.642,000			2.500,000	169.974,11285	167.474,11285	0,000
103	1		Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nối huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	3512/QĐ-UBND, 03/9/2026	1.878.872,096	629.401,096	1.873.343,106	623.439,206		5.731,456867	5.731,457	
II	0	31	Chương trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030		1.513.388,875	1.513.388,875	1.276.790,781	1.276.790,781	161.138,391	119.804,957	0,000	-41.333,434

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
1	0	1	Xây dựng cầu chùa Lai - xã Quang Phục	Số 999/QĐ-UBND ngày 28/6/2022; 1448/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; 5417/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 4881/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	14.994,079	14.994,079	13.420,428	13.420,428	920,130	620,130	0,000	-300,000
2	0	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Thanh (các công trình dân dụng)	số 762/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	27.208,813	27.208,813	24.730,000	24.730,000	2.000,000	1.000,000	0,000	-1.000,000
3	0	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Bắc Hưng (các công trình dân dụng)	số 737/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	29.646,362	29.646,362	26.999,524	26.999,524	2.000,000	1.280,532	0,000	-719,468
4	0	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Nam Hưng (các công trình giao thông)	Số 2302/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	107.938,000	107.938,000	92.500,000	92.500,000	5.400,000	3.064,085	0,000	-2.335,915
5	0	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Nam Hưng (các công trình dân dụng)	số 736/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	16.716,710	16.716,710	14.000,000	14.000,000	1.921,000	907,257	0,000	-1.013,743
6	0	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Hưng (các công trình giao thông)	Số 2303/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	76.416,000	76.416,000	69.297,000	69.297,000	3.975,200	2.493,103	0,000	-1.482,097
7	0	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đại Bản, huyện An Dương	1181/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; 2691/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	117.754,000	117.754,000	103.000,322	103.000,322	6.283,000	2.489,213	0,000	-3.793,787
8	0	1	Xây dựng trường Mầm non Tân Tiến (điểm trường Do Nha)	3307/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	35.072,000	35.072,000	25.871,470	25.871,470	9.200,225	8.370,086	0,000	-830,139

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
9	0	1	Xây dựng điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Tân Tiến	27/NQ-HĐND ngày 25/5/2023; 38/NQ-HĐND ngày 13/6/2024	4.598,000	4.598,000	800,000	800,000	3.798,000	2.000,000	0,000	-1.798,000
10	0	1	Xây dựng điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Bắc Sơn	26/NQ-HĐND ngày 25/5/2023	5.232,000	5.232,000	800,000	800,000	4.432,000	2.848,000	0,000	-1.584,000
11	0	1	Xây dựng nhà đa năng Trường Trung học cơ sở An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương	2845/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	7.218,000	7.218,000	5.050,000	5.050,000	2.168,000	1.507,192	0,000	-660,808
12	0	1	Dự án Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trần Dương	4785/QĐ-UBND, 10/9/2024	117.810,000	117.810,000	84.363,764	84.363,764	13.447,832	12.189,984	0,000	-1.257,848
13	0	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hưng Nhân	4468/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	95.900,000	95.900,000	70.604,735	70.604,735	12.794,000	6.894,000	0,000	-5.900,000
14	0	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cộng Hiền	4469/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	118.500,000	118.500,000	85.471,266	85.471,266	15.788,000	11.288,000	0,000	-4.500,000
15	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5819/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	110.815,000	110.815,000	101.951,592	101.951,592	8.815,000	6.815,000	0,000	-2.000,000
16	0	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2212/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	58.526,000	58.526,000	48.871,694	48.871,694	9.654,306	7.794,306	0,000	-1.860,000
17	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5820/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	90.596,819	90.596,819	85.207,651	85.207,651	4.753,099	4.018,099	0,000	-735,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
18	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5587/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	8.075,092	8.075,092	7.140,059	7.140,059	935,033	484,791	0,000	-450,242
19	0	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	3293/QĐ-UBND ngày 9/5/2025	35.668,000	35.668,000	25.808,736	25.808,736	9.859,264	9.003,264	0,000	-856,000
20	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5818/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	78.050,000	78.050,000	72.000,000	72.000,000	6.050,000	5.209,000	0,000	-841,000
21	0	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	4180/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	21.700,000	21.700,000	13.602,432	13.602,432	8.097,568	7.789,568	0,000	-308,000
22	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	6123/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	2.300,000	2.300,000	2.054,000	2.054,000	246,000	95,000	0,000	-151,000
23	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5817/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	61.591,000	61.591,000	58.210,425	58.210,425	2.591,003	1.213,003	0,000	-1.378,000
24	0	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2465/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	28.221,000	28.221,000	26.939,934	26.939,934	1.281,066	814,066	0,000	-467,000

STT	Số dự án		Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố			
	Tăng	Giảm		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh	
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách thành phố trong nước					Tăng kế hoạch vốn	Giảm kế hoạch vốn
25	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa và y tế trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	832/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	5.518,000	5.518,000	4.011,060	4.011,060	1.506,940	1.315,940	0,000	-191,000
26	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Trường Thành thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thành, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5821/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	73.637,000	73.637,000	68.000,000	68.000,000	5.637,000	4.450,000	0,000	-1.187,000
27	0	1	Xây dựng các công trình trường học và y tế trên địa bàn xã Trường Thành thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thành, huyện An Lão, TP Hải Phòng	3292/QĐ-UBND ngày 9/5/2025	34.113,000	34.113,000	27.536,096	27.536,096	6.576,904	5.863,904	0,000	-713,000
28	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5822/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	57.553,000	57.553,000	54.003,842	54.003,842	3.548,282	2.418,282	0,000	-1.130,000
29	0	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	4179/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	31.784,000	31.784,000	25.561,461	25.561,461	6.222,539	4.796,539	0,000	-1.426,000
30	0	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2213/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	3.237,000	3.237,000	3.000,000	3.000,000	237,000	122,613	0,000	-114,387
31	0	1	Đầu tư các hạng mục công trình Trường trung học phổ thông An Lão đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3294/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	37.000,000	37.000,000	35.983,290	35.983,290	1.000,000	650,000	0,000	-350,000